

CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO KHMER TRONG THỜI GIAN QUA THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ^(*)

Ngô Quang Sơn⁽¹⁾ - Vũ Thị Thanh Minh⁽²⁾

Xuất phát từ đặc điểm về kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ, từ lối sống, văn hóa, tín ngưỡng của đồng bào Khmer; ngay từ những năm đầu thực hiện đổi mới đất nước, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào Khmer Tây Nam Bộ. Những chính sách này đã đem lại nhiều đổi thay cho vùng Tây Nam Bộ trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, trước yêu cầu của tình hình mới, nhiều vấn đề đặt ra trong xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách đối với đồng bào Khmer rất cần được quan tâm, giải quyết

Từ khóa: Chính sách, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng bào Khmer, vùng Tây Nam Bộ, những vấn đề đặt ra về Chính sách

Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam ngày 1-4-2009, dân số đồng bào Khmer là 1.260.640 người, chiếm 1,47% dân số cả nước, trong đó nam là 617.650 người (chiếm 49% dân số người Khmer) và nữ là 642.990 người (chiếm 51%). Người Khmer là tộc người nhập cư sớm vào vùng đất Nam Bộ và là tộc người có dân số đông đứng hàng thứ hai, sau người Kinh ở đây. Đồng bào Khmer sinh sống tập trung ở Sóc Trăng (31,49% dân số người Khmer), Trà Vinh (25,16% dân số Khmer), Kiên Giang (16,73% dân số Khmer), An Giang (7,16% dân số Khmer), Bạc Liêu (5,61% dân số Khmer), Cà Mau (2,37% dân số Khmer), Vĩnh Long (1,73% dân số Khmer), Thành phố Cần Thơ (1,70% dân số Khmer), Hậu Giang (1,68% dân số Khmer). Hầu hết đồng bào Khmer sinh sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Trong khoảng 500 xã có đồng bào Khmer sinh sống có 321 xã khó khăn, 163 xã đặc biệt khó khăn (năm 1998), 201 xã đặc biệt khó khăn (năm 2000), 103 xã đặc biệt khó khăn và 410 thôn đặc biệt khó khăn (năm 2013). Đồng bào Khmer có tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động tương đối lớn và chủ yếu là lao động trẻ. Tuy nhiên, nguồn lực này tập trung sống ở nông thôn, ở thành thị tỷ lệ

này tương đối thấp. Bên cạnh đó là cơ cấu trình độ học vấn của đồng bào Khmer vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước, cụ thể: Trung học phổ thông: cả nước 82,6%, Khmer 15,4%; cao đẳng: Cả nước 6,7%, Khmer 0,9%; đại học và trên đại học: Cả nước 9,6%, Khmer 1,1%. Tính đến giữa năm 2014, toàn vùng có 674,6 nghìn¹ người trên 5 tuổi di cư tự do đến các địa phương khác, số lượng này gây ảnh hưởng lớn đến nguồn lao động tại các địa phương, đồng thời gây khó khăn về an ninh, trật tự cho nơi đồng bào di cư đến. Sản xuất nông nghiệp làm phương thức truyền thống của người Khmer, gần như toàn bộ đất đai của đồng bào dành cho việc làm ruộng, làm rẫy. Trong thời gian gần đây, một số hộ dân tộc Khmer cũng đã cải tạo đất để trồng các loại cây nông sản và hoạt động chăn nuôi dần dần trở thành một nghề chính trong gia đình.

Người Khmer có nền văn hóa độc đáo. Nền văn hóa đó phản ánh trình độ phát triển cao của đồng bào trong lịch sử. Ấn tượng mạnh mẽ của nền văn hóa của người Khmer ở Nam Bộ là kiến trúc và điêu khắc trong ngôi chùa, là âm nhạc và các loại hình nghệ thuật biểu diễn, các lễ hội truyền thống. Nhìn từ góc độ kinh tế, có thể nói đồng bào chưa có sự hội nhập tốt vào nền kinh tế thị trường mang tính cạnh tranh cao đang diễn ra hiện nay ở nước ta. Hoạt động nông nghiệp nhỏ bé, manh mún với một

(*) Bài báo là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: "Nghiên cứu kết quả thực hiện một số chủ trương, chính sách đối với đồng bào Khmer và những vấn đề đặt ra", Ủy ban Dân tộc, 2016 - 2017

¹ Kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa nhiệm kỳ (thời điểm 1/4/năm 2014), Tổng Cục Thống kê, (9/2015) Hà Nội.

bộ phận lớn nông dân thiếu đất hoặc không có đất sản xuất sẽ khó cưỡng lại xu hướng tập trung ruộng đất hiện nay ở Tây Nam Bộ. Việc đồng bào bán, sang nhượng ruộng đất sản xuất trong thời gian qua cho thấy thực tế đó. Các hoạt động dịch vụ, trao đổi, buôn bán cũng còn chưa phát triển và thiếu năng lực cạnh tranh trong khi các nghề thủ công truyền thống không còn đất sống trước sản phẩm công nghiệp ngày càng nhiều cũng như xâm nhập mạnh mẽ của những sản phẩm đó đến tận hàng cùng, ngõ tận của nông thôn Nam Bộ².

Xuất phát từ đặc điểm về kinh tế- xã hội vùng đất Tây Nam bộ, từ lối sống, văn hóa, tín ngưỡng của đồng bào Khmer, từ điều kiện thực tế phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào Khmer, từ những năm đầu thực hiện đổi mới đất nước như: Đời sống mọi mặt của đồng bào còn nhiều khó khăn, đồng bào vẫn độc canh cây lúa, nhiều hộ thiếu đất, thiếu vốn, thiếu nước, thiếu đói xảy ra lúc giáp hạt; tình trạng cúng lễ tốn kém nhiều; sinh hoạt văn hóa nghèo nàn; tỷ lệ mù chữ cao; cán bộ thiếu và yếu; ở một số địa phương, có trường hợp vi phạm nghiêm trọng chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo, gây hậu quả nặng nề về chính trị, tư tưởng, tình cảm; chính sách đối với đồng bào Khmer còn có nhiều thiếu sót... Ban bí thư đã ra Chỉ thị số 68/CT-TW, ngày 18/4/1991 (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer. Chỉ thị chỉ đạo tập trung các nguồn lực phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Bảo vệ chùa chiền và lập Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước để động viên và phát huy truyền thống yêu nước của sư sãi yêu nước Khmer. Tạo điều kiện để đồng bào qua lại biên giới thăm nom bạn bè, người thân. Cùng cố tổ chức cơ sở Đảng. Địa phương nào và cán bộ nào sai lầm trong việc thực hiện chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo phải tự phê bình và tích cực sửa chữa... 15 năm sau khi thực hiện chỉ thị số 68, Ban Bí thư đã ra Thông báo số 67-TB/TW, ngày 14/3/2007 (khóa X) về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 68/CT-TW. Ngày 20/01/2003, trước thực tế, kinh tế - xã hội vùng đồng bằng Sông Cửu Long phát triển chưa xứng với tiềm năng của cả vùng; an ninh, quốc phòng còn gặp nhiều khó khăn, Bộ

Chính trị ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW về Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001- 2010; sau đó là Kết luận số 28-KL/TW ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT - XH và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng ĐBSCL đến năm 2020. Để triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW, căn cứ Quyết định 2270/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị, các tỉnh trong toàn vùng đã xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm đưa vùng ĐBSCL phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, trong đó có vùng dân tộc thiểu số (DTTS). Cùng với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước đã có những quan điểm, chủ trương, chính sách về công tác dân tộc, công tác tôn giáo liên quan đến đồng bào Khmer Nam Bộ như: Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 13/3/2003 về Công tác dân tộc (Hội nghị Trung ương 7, khóa IX) và Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 Về công tác dân tộc.

Từ năm 2006 đến nay, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho DTTS nói chung và cho vùng đồng bào Khmer Nam Bộ nói riêng. Các chính sách đó được cụ thể ở các nhóm chính sách như: 1. Nhóm chính sách về phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo; 2. Nhóm chính sách về hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt; 3. Nhóm chính sách bảo tồn và phát triển văn hoá; 4. Nhóm chính sách phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề; 5. Nhóm chính sách về y tế, dân số; 6. Chính sách đối với tôn giáo truyền thống; 7. Nhóm chính sách bảo vệ môi trường, sinh thái; 8. Nhóm chính sách về tăng cường hệ thống chính trị; 9. Nhóm chính sách quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó, các tỉnh, địa phương vùng Nam Bộ - nơi có đồng bào Khmer sinh sống cũng có những chính sách riêng, cụ thể dành cho đồng bào, vùng có đồng bào sinh sống.

Triển khai thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg, các địa phương vùng Nam bộ đã giải ngân được 62,41% kinh phí được cấp, giải quyết được 7.912 hộ có nhu cầu về đất ở, 6.055 hộ có nhu cầu về đất sản xuất, 26.817 hộ có nhu cầu giải

². Theo Phan Văn Dốp, người Khmer ở Nam Bộ và những thách thức trong quá trình hội nhập chung của cả nước vào nền kinh tế quốc tế, tham luận hội thảo “Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào Khmer và những vấn đề đặt ra”, An Giang, tháng 9 năm 2016

quyết việc làm, 5.070 hộ có nhu cầu vay vốn mua máy móc, nông cụ) và đào tạo nghề được 19.098 lao động (trong đó có 03 lao động được hỗ trợ đi lao động ở nước ngoài)³. Tiếp theo đó, các địa phương vùng Tây Nam Bộ triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn vùng ĐBSCL theo Quyết định 29/2013/QĐ TTg, ngày 20/5/2013, với nhu cầu thụ hưởng ban đầu của đồng bào DTTS toàn vùng như sau: 7.291 hộ có nhu cầu về đất ở; 4.219 hộ có nhu cầu về đất sản xuất; 18.609 hộ có nhu cầu vay vốn tạo việc làm và phát triển sản xuất; 11.694 lao động có nhu cầu đào tạo nghề và 65 lao động có nhu cầu xuất khẩu lao động⁴. Hầu hết, các chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người DTTS được các địa phương chú trọng gắn đào tạo nghề cho lao động nông thôn với việc thực hiện chính sách nông nghiệp, nông dân, nông thôn và chương trình xây dựng nông thôn mới. Nhờ có chính sách hỗ trợ học nghề, chuyển đổi ngành nghề của các Quyết định 74, 29, 1956,... các hộ gia đình từ không có đất sản xuất, phải đi làm thuê làm mướn, không có việc làm ổn định, nay được hỗ trợ vốn học nghề và chuyển đổi ngành nghề nông nghiệp truyền thống sang trồng hoa màu, chăn nuôi, buôn bán hoặc đi lao động nước ngoài. Từ đó nhiều hộ dân tộc đã phấn đấu vươn lên thoát nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Tuy nhiên, việc giải quyết cho các hộ có nhu cầu hưởng thụ chính sách theo Quyết định 29 đạt hiệu quả còn quá thấp, cụ thể như: 18.609 hộ có nhu cầu vay vốn tạo việc làm, đến nay mới thực

hiện được 2.605 hộ (chiếm tỷ lệ 14%) và “theo báo cáo của Ngân hàng Chính sách Xã hội thông qua Quỹ Quốc gia về việc làm, tính tới tháng 4/2016 đã hỗ trợ giải quyết việc làm cho 3.692 lao động trong vùng”⁵; hỗ trợ được 1.523/11.694 lao động (đào tạo nghề), chiếm tỷ lệ 13%, 03/65 lao động (xuất khẩu lao động), chiếm tỷ lệ 4,6% và 12,9% số lao động được đào tạo theo Đề án 1956, “trong khi tỷ lệ lao động qua đào tạo chung của toàn vùng hiện nay là 49,14%”⁶.

25 năm qua, Chỉ thị 68/CT-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) và hệ thống chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào Khmer được triển khai đã đem lại những đổi thay, phát triển cho vùng Tây Nam bộ. Thành tựu ấy thể hiện ở trên tất cả các lĩnh vực:

Thứ nhất: Kinh tế - xã hội toàn vùng phát triển toàn diện: Việc triển khai, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong vùng đồng bào Khmer được các bộ, ngành, địa phương tích cực quan tâm thực hiện có hiệu quả. Do vậy, đời sống vật chất của đồng bào Khmer được cải thiện đáng kể, tỷ lệ hộ Khmer nghèo so với tổng số hộ dân tộc từ 35,61% ở đầu giai đoạn 2001 - 2005 giảm còn 29,59% ở cuối giai đoạn; theo chuẩn nghèo mới đầu giai đoạn 2006 - 2010, số hộ Khmer nghèo là 41,68% đến cuối giai đoạn giảm còn 24,57%; đầu giai đoạn 2011-2015, số hộ Khmer nghèo là 34,57%, tỷ lệ hộ nghèo được giảm đều từng năm (năm 2013: 25%; năm 2014: 17,98%; năm 2015 còn 13.01%).

Thứ hai, Bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bào được giữ gìn và phát huy: Giáo trình giảng dạy chữ Khmer gồm 7 trình độ đang được dạy và học tại các điểm trường tiểu học vùng đồng bào Khmer, trường PTNTDT và tại ở các điểm chùa Khmer. Các đoàn nghệ thuật Khmer được các ngành các cấp quan tâm và tạo điều kiện hoạt động. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã công nhận các loại hình nghệ thuật: Châm Riêng Chà Pây, Nghệ thuật sân khấu Dù kê của người Khmer tỉnh Sóc Trăng và lễ Hội Ok Om Bok của người Khmer tỉnh Trà Vinh là văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Đồng thời, tạo

³. Vụ Địa phương III - Ủy ban Dân tộc (Bảng tổng hợp tình hình triển khai thực hiện QĐ 74/2008/QĐ-TTg).

⁴. Vụ Địa phương III - Ủy ban Dân tộc: Theo báo cáo của các địa phương thì các hộ và lao động có nhu cầu thụ hưởng, cụ thể như sau: TV: 2.157 hộ (đất ở), 732 hộ (đất sản xuất), 4.691 hộ (vay vốn tạo việc làm), 505 lao động (đào tạo nghề) và 03 lao động (xuất khẩu lao động); VL: 31 hộ (đất ở), 179 hộ (đất sản xuất), 126 hộ (vay vốn tạo việc làm); CT: 104 hộ (đất ở), 09 hộ (đất sản xuất), 256 hộ (vay vốn tạo việc làm), 08 lao động (đào tạo nghề); ST: 1.561 hộ (đất ở), 1.406 hộ (đất sản xuất), 10.429 hộ (vay vốn tạo việc làm), 7.728 lao động (đào tạo nghề) và 62 lao động (xuất khẩu lao động); BL: 1.234 hộ (đất ở), 300 hộ (đất sản xuất), 910 hộ (vay vốn tạo việc làm); CM: 985 hộ (đất ở), 253 hộ (đất sản xuất), 530 hộ (vay vốn tạo việc làm); HG: 301 hộ (đất ở), 525 hộ (đất sản xuất), 719 hộ (vay vốn tạo việc làm), 23 lao động (đào tạo nghề); AG: 395 hộ (đất ở), 518 hộ (đất sản xuất), 948 hộ (vay vốn tạo việc làm), 1.510 lao động (đào tạo nghề) và 02 lao động (xuất khẩu lao động); KG: 523 hộ (đất ở), 297 hộ (đất sản xuất), 422 (vay vốn tạo việc làm), 1.920 lao động (đào tạo nghề).

⁵. Báo cáo số 2450/LĐT BXH-KHTC ngày 30/6/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

⁶. Báo cáo số 246-BC/BCĐTNB ngày 28/12/2015 của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ

điều kiện cho văn nghệ sĩ dân tộc Khmer tham gia hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật tại các chi hội dân tộc thuộc Hội Văn học Nghệ thuật, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Liên Chi hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam - Đồng bằng sông Cửu Long. Đến nay đã có 27 người được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ, Nghệ nhân Ưu tú và đã hỗ trợ in trên “82 đầu Kinh sách với trên 200 ngàn quyển”⁷ phục vụ việc tu học đối với Sư sãi và Phật tử Phật giáo Nam tông Khmer.

Thứ ba, trình độ dân trí trong vùng dân tộc Khmer từng bước được nâng lên: “Năm học 1991-1992, tổng số học sinh Khmer là 116.150”⁸ hoặc năm 2009, theo số liệu điều tra trong số 948.161 người Khmer từ 5 tuổi trở lên có 29,80% chưa từng đi học, trong khi cả nước chỉ có 9,97% (tỷ lệ so với dân số chung)⁹. Theo báo cáo của Vụ Địa phương III - Ủy ban Dân tộc, năm học 2014-2015, tỷ lệ huy động trẻ em dân tộc thiểu số trong độ tuổi đến trường đạt khá cao: trung học cơ sở đạt trên 95%, trung học phổ thông khoảng 70%, số học sinh được cử tuyển ngày càng tăng, bình quân mỗi năm có gần 500 em được đào tạo. “Năm học 2014 - 2015, có 8.700 học sinh Khmer đang học tại 30 trường PTDTNT trong đó có 6 trường đạt chuẩn quốc gia”¹⁰

Thứ năm, hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số Khmer ngày càng được củng cố, kiện toàn. Đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS tăng dần hàng năm về số lượng và chất lượng, cụ thể như: Năm 1991, “số viên chức DTTS là 3.107 người, năm 2005 là 6.289 người, tăng 2,02 lần”¹¹ đến “năm 2015 là 9.910 người trong đó có gần 50 người được đào tạo sau

đại học”¹². Năm 2006, số đảng viên dân tộc Khmer tăng 3,34 lần so với năm 1991, với 7.100 đảng viên chiếm 0,6 % dân số Khmer trong vùng¹³, đến năm 2013 tăng hơn 10.000 đảng viên DTTS, nâng tổng số đảng viên là người DTTS là 17.119; “năm 2015 tiếp tục tăng với 19.235 đảng viên và 17.000 cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS”. Năm 2005 có 01 Ủy viên Trung ương Đảng, 01 Phó Bí thư Tỉnh uỷ, 10 tỉnh ủy viên, 74 huyện ủy viên, 767 đảng ủy viên” thì “cuối năm 2015 có 02 Ủy viên Trung ương Đảng (01 dự khuyết), 02 Phó Bí thư tỉnh uỷ, 20 tỉnh ủy viên, 127 huyện ủy viên, 981 đảng ủy viên”.

Thứ sáu, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững: Các địa phương đã thường xuyên phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở từng khóm, ấp và được đồng bào tích cực hưởng ứng tham gia. Đồng thời, các địa phương cũng đã phát huy tốt vai trò đội ngũ người có uy tín trong đồng bào dân tộc theo tinh thần Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ “về phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” và Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (năm 2015, toàn vùng có 1.470 người có uy tín được hưởng thụ Quyết định 18/2011/QĐ-TTg”¹⁴ góp phần đáng kể trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các phong trào cách mạng, phát huy truyền thống đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng phát triển, đề cao cảnh giác cách mạng, giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở.

Tuy nhiên, sự vươn lên của đồng bào vẫn không đồng đều ở một số địa phương, tỷ lệ hộ

7. Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ VII (ngày 7-9/9/2016 tại Hậu Giang)

8. Ban Dân vận Trung ương, Báo cáo “*Tổng kết việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 68-CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng của (Khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*” số 03, Hà Nội, ngày 11/10/2006, tr 03

9. Phạm Thị Phương Hạnh, *Văn hóa Khmer Nam Bộ - Nét đẹp trong Văn hóa Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 11.

10. Ủy ban Dân tộc, Báo cáo tình hình vùng dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn Tây Nam Bộ 2015, số 159, Hà Nội, ngày 04/12/2015.14, tr.02

11. Ban Dân vận Trung ương, Báo cáo “*Tổng kết việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 68-CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng của (Khóa 6) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*” số 03, Hà Nội, ngày 11/10/2006. 3, tr 05

12. Ủy ban Dân tộc, Báo cáo tình hình vùng dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn Tây Nam Bộ 2015, số 159, Hà Nội, ngày 04/12/2015. 14, tr.02.

13. Ban Dân vận Trung ương, Báo cáo *Tổng kết việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 68-CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng của (Khóa 6) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*” số 03, Hà Nội, ngày 11/10/2006.3, tr.5

14. Ủy ban Dân tộc, Báo cáo tình hình vùng dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn Tây Nam Bộ 2015, số 159, Hà Nội, ngày 04/12/2015.14, tr.7.

nghèo còn cao, trình độ dân trí thấp; việc quan tâm xây dựng hệ thống chính trị còn chưa đúng mức. Tình hình an ninh, chính trị vùng đồng bào còn tiềm ẩn những yếu tố bất lợi,...

Yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS trong phạm vi cả nước nói chung, vùng đồng bào Khmer nói riêng đã và đang được đáp ứng qua các chính sách vĩ mô, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách đối với vùng miền, các chính sách đặc thù đối với vùng dân tộc và miền núi,... Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy có một số vấn đề đặt ra ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khmer trong thời gian tới. Trước hết, đó là những vấn đề nội sinh trong chính đặc điểm cơ cấu lao động của đồng bào, đặc điểm cơ cấu kinh tế vùng đồng bào Khmer. Thứ hai là vấn đề đất đai, sự chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm trong cộng đồng Khmer. Trong cơ cấu tuổi lao động của đồng bào Khmer thì nguồn lực lao động trẻ dồi dào, nhưng nguồn lực này lại có trình độ thấp và chủ yếu tập trung ở vùng nông thôn (85,6%), ở thành thị chiếm con số nhỏ (14,4%). Kinh tế chủ yếu tập trung vào sản xuất cây lúa, chăn nuôi và một số ít nuôi trồng thủy sản. Địa bàn cư trú chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, rất khó có điều kiện áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động. Hiện nay, nhu cầu đất ở, đất sản xuất, nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp trong vùng đồng bào rất cao, nhưng thực tế còn rất nhiều bất cập trong tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, vùng Tây Nam bộ hiện nay đang đứng trước những khó khăn do ngoại cảnh mang lại như: Các hội, nhóm “Khmer Krôm” ở nước ngoài có nhiều tác động gây bất lợi vào vùng đồng bào Khmer Nam Bộ. Chúng lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, lịch sử vùng đất Nam Bộ - Việt Nam, khai thác việc khiêu khích, những khó khăn bất cập trong vùng dân tộc,... để phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc của Việt Nam. Đáng chú ý, những năm gần đây, các đảng đối lập tập hợp các hội, nhóm “Khmer Krôm” ở nước ngoài tăng cường chống phá việc phân giới, cắm mốc giữa hai nước Việt Nam, Campuchia. Hoạt động này cùng nhiều hoạt động khác đã và đang ảnh hưởng nhất định đến tư tưởng của một bộ phận cư dân, đồng bào Khmer ở Nam Bộ, nhất là giới trẻ, những người đang có tư tưởng

hẹp hòi, dân tộc cực đoan. Hiện nay đã có một bộ phận cư dân trẻ (Phật giáo Nam tông Khmer) ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu bị lôi kéo tham gia vào các tổ chức thuộc “*Hội tăng sinh Khmer tỉnh Trà Vinh*”, “*Hội bảo trợ Phật học và văn hóa Khmer huyện Trà Cú*”, “*Hội tăng sinh Khmer vòng hoa lái*”, “*Hội giáo viên yêu nước chùa Xoài Xiêm mới*” nhận tài trợ kinh phí từ bên ngoài và tiếp tay các đối tượng cực đoan phát tán tài liệu, tuyên truyền xuyên tạc về lịch sử vùng đất Nam Bộ, vu cáo chính quyền Việt Nam xóa bỏ phong tục, tập quán, tín ngưỡng của đồng bào Khmer Nam Bộ đã và sẽ làm ảnh hưởng, cản trở đến việc thực hiện chủ trương, chính sách đối với đồng bào dân tộc trong thời gian tới. Trong thời gian qua và trong tương lai, ĐBSCL là vùng chịu tác động nặng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn và hạn hán. Yếu tố này đã tác động bất lợi đến sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và đời sống nhân dân. Nông dân không xuống giống trồng lúa, hoa màu đúng theo lịch thời vụ. Từ 3 vụ lúa trước đây, nay chỉ còn 2 vụ lúa... Nhiều hộ dân phải bỏ quê đi làm ăn xa, ở các địa phương có khu công nghiệp, khu chế xuất như tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh,... Tình trạng dân đi làm ăn xa nhà đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình lao động tại địa phương (ở lại quê nhà chỉ còn lại người già và trẻ nhỏ), đồng thời cũng gây khó khăn cho địa phương nơi đến trong việc quản lý, bảo vệ môi trường và an ninh trật tự.

Trước yêu cầu của tình hình mới, những vấn đề đặt ra trong xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách đối với đồng bào Khmer được cụ thể ở những nội dung cụ thể sau:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 28-KL/TW, ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng ĐBSCL thời kỳ 2011 - 2020; Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc; Chỉ thị số 1971/CT-TTg về tăng cường công tác dân tộc thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chỉ thị số 28/CT-TTg về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc; Quyết định số 449/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT

BNV-UBDT ngày 11/9/2014, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tại Điều 11 Nghị định 05/2011/NĐ-CP và đặc biệt là Nghị quyết 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ “*về phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030*” góp thúc đẩy nhanh và vững chắc sự phát triển bền vững cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ nói chung, đồng bào dân tộc Khmer nói riêng.

- Tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn phù hợp với vùng đồng bào Khmer, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; quan tâm sâu sắc đến giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, thực hiện tốt ở tất cả các ngành học, cấp học. Nâng cao chất lượng dạy và học chữ dân tộc đáp ứng yêu cầu sử dụng trên nhiều phương diện; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực trong đồng bào dân tộc, tiến tới sử dụng nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số tương ứng với tỷ lệ dân số ở từng địa phương theo tinh thần của Quyết định 402/QĐ TTg ngày 14/03/2016 về *Phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới*; nghiên cứu một số giải pháp đồng bộ và quyết sách kịp thời, phù hợp về giáo dục - đào tạo, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và việc làm là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay.

Trong công tác đào tạo nghề cho đồng bào DTTS cần khảo sát giữa nhu cầu đào tạo với loại hình đào tạo gắn với giải quyết việc làm, để công tác đào tạo nghề thật sự có hiệu quả, tránh sự lãng

phí. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước các cấp, đồng thời phát huy vai trò nòng cốt của Hội trong việc vận động sư sãi và đồng bào thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; phát huy vai trò của chùa đối với đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào Khmer Nam Bộ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong đồng bào và sư sãi Khmer Nam Bộ, nhất là chính sách dân tộc. Trong công tác tuyên truyền cần chú trọng nâng cao ý thức và lòng tự hào dân tộc trong đồng bào, nhất là giới trẻ, trí thức trẻ, cán bộ trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng, chỉ thị 68-CT/TW ngày 14/4/1991 và Thông báo số 67-TB/TW ngày 14/3/2007.
3. Ủy ban Dân tộc, Báo cáo tình hình vùng dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn Tây Nam Bộ, năm 2014-2015.
4. Ban Dân vận Trung ương, Báo cáo “Tổng kết việc tổ chức thực hiện chỉ thị 68-CT/TW của Ban Bí thư TW Đảng về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer”, tháng 10 năm 2006.
5. Phạm Thị Phương Hạnh, Văn hóa Khmer Nam Bộ - Nét đẹp trong văn hóa Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, H. 2012.

ABSTRACT

GUIDELINES AND POLICIES OF THE PARTY AND THE STATE FOR THE KHMER PEOPLE DURING LAST TIME. REALITY AND EMERGING ISSUES

Starting from the socio-economic characteristics of the Southwest region, from the lifestyle, culture and beliefs of the Khmer people; right from the first years of the renewal of the country, the Government has issued many policies of society-economic development for the Khmer people of the Southwest. These policies have brought many changes for the Southwest region in all fields. However, before the new requirements of the situation, many issues raised in building and implementing guidelines and policies for the Khmer people very need attention and solve

Keywords: Policy; Policies of the Party and the State; The Khmer People, Southwest Region; Building and implementing guidelines and policies for the Khmer people